

## MỘT SỐ HÌNH THỨC TÍN NGƯỠNG DÂN GIAN CỦA NGƯỜI TÀY, NÙNG VIỆT NAM VÀ NGƯỜI CHOANG TRUNG QUỐC

NGUYỄN THỊ YÊN

Tày, Nùng ở Việt Nam và Choang ở Trung Quốc là ba dân tộc thiểu số có dân số đông, nằm trong cộng đồng các dân tộc nhóm ngôn ngữ Tày- Thái. Đây là một trong những nhóm cộng đồng lớn nhất châu Á, có mặt ở hầu hết các nước trong khu vực Đông Nam Á. Người Tày, Nùng cư trú chủ yếu ở vùng Đông Bắc Việt Nam còn người Choang tập trung chủ yếu ở khu tự trị dân tộc Choang tỉnh Quảng Tây và một phần tỉnh Vân Nam, Trung Quốc. Các nhóm dân tộc này có nhiều điểm tương đồng về nguồn gốc, lịch sử, địa bàn cư trú, dẫn đến nhiều điểm tương đồng về văn hoá, phong tục tập quán, đặc biệt là về tôn giáo tín ngưỡng. Dưới đây, trước đầu tiên xin giới thiệu một số nét tương đồng và dị biệt trong một số hình thức tôn giáo tín ngưỡng của các nhóm dân tộc này. Các tài liệu sử dụng trong bài viết chủ yếu dựa trên kết quả điền dã của tôi ở các khu vực cư trú của người Tày, Nùng Việt Nam thuộc các tỉnh Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn và người Choang Trung Quốc ở các huyện Tịnh Tây, Đức Bảo, Long Châu, Phòng Thành (nam Choang); Mã Sơn, Long Thắng (thuộc bắc Choang); khu vực giữa Quảng Tây ở ngoại thành Nam Ninh và huyện tự trị dân tộc Choang Vân Sơn (thuộc tỉnh Vân Nam). Ngoài ra tôi còn tham khảo thêm các tài liệu đã công bố về ba dân tộc này ở trong nước và ở Trung Quốc.

### 1. Thờ trời đất

Trong quan niệm của ba dân tộc, trời (phạ) là vị thần tối cao ở mặt trời (mặt trời phạ), cai quản mọi việc lớn nhỏ ở

trần gian. Việc thờ phụng được thể hiện dưới các hình thức sau:

*Lập đàn cúng ngoài trời:* Người Choang ở một số nơi có tục bày lễ vật trên trời cầu bình an vào buổi sáng ngày mùng 1 đầu năm. Ngoài ra, ở nhiều nơi khi xảy ra tranh chấp giữa các gia đình hoặc cá nhân, người ta thường bày lễ vật và cùng thấp hơng thể trên trời đất.

*Cầu nguyện:* Đây là hiện tượng khá phổ biến ở cả ba dân tộc. Đó là khi con người bị rơi vào hoàn cảnh khó khăn, giữa lúc bế tắc hoặc nguy khốn, người ta thường khẩn cầu mong trời đất phù hộ cho tai qua, nạn khỏi.

*Thờ trời trong tín ngưỡng của các thầy cúng:* Dưới tác động giáo lý của những người làm nghề thầy cúng, việc thờ trời trong dân gian đã được chuyển hoá thành thờ các vị *Then, Pút, Mo, Mốt...* Đây là một hình thức tín ngưỡng khá phổ biến của các dân tộc này. Dù có tên gọi nào thì nó đều có ý nghĩa là chỉ một vị thần lớn ở trên trời như Ngọc Hoàng, Pút Luông... Các vị thần này được các thầy cúng tôn làm thần chủ, thờ phụng tại gia đình của thầy cúng và tại gia đình của gia chủ mỗi khi thầy cúng đến hành nghề.

### 2. Thờ cúng tổ tiên

Thờ cúng tổ tiên là tín ngưỡng cơ bản của cả ba dân tộc Tày, Nùng và Choang. Chữ tổ tiên ở đây được hiểu theo nghĩa rộng, bao gồm tổ tiên gia đình, tổ tiên dòng họ, tổ tiên ngành nghề, tổ tiên lập làng, tổ tiên dân tộc... Điều đó phản ánh tâm lý của quần chúng nói chung luôn ghi

nhớ công lao của những ng- ời đầu tiên khai cơ lập nghiệp cho gia đình, làng bản, những thủ lĩnh có công của dân tộc... Tín ng- ỡng thờ cúng tổ tiên của ng- ời Tày, Nùng, Choang có thể phân chia theo các cấp độ sau: thủy tổ nhân loại, tổ tiên gia tộc, tổ s- , tổ làng, thần dân tộc.

### **2.1. Thờ thủy tổ nhân loại**

Cả ba dân tộc Tày, Nùng, Choang đều có chung tín ng- ỡng thờ mẹ Hoa- vị thần sinh sản của họ. Truyền thuyết của ng- ời Choang và kinh sách của thầy cúng kể rằng mẹ Hoa là ng- ời phụ nữ đầu tiên b- ớc ra từ một bông hoa khi vũ trụ mới hình thành gọi là mẹ Lục Giáp. Bà là ng- ời rất thông minh đã tạo ra núi non, sông n- ớc, con ng- ời và muông thú. Bà còn ngồi dạng chân ra để tạo thành hang cho con ng- ời trú ngụ. Truyền thuyết nói rằng bà quản việc sinh đẻ ở nhân gian, có quyền phân phát con cái cho ng- ời trần gian. Động Nham Sơn ở huyện Đông Lan đ- ợc coi là sinh thực khí của bà, ng- ời Choang từ đó mà sinh ra. Vì vậy hàng năm vào hai dịp 15 tháng giêng âm lịch và 15 tháng 7 âm lịch dân chúng quanh vùng mang lễ vật đến cúng động gọi là “Tết động sinh dục”, kèm theo hoạt động cúng tế có tục nghe ng- ời già kể chuyện mẹ tổ và tục hát giao duyên nam nữ. Có thể việc thờ mẹ Lục Giáp với t- cách là thủy tổ của ng- ời Choang về sau đã biến thái thành tục thờ mẹ Hoa, tức mẹ sinh sản, hiện khá phổ biến trong tất cả các gia đình ng- ời Tày, Nùng, Choang d- ới nhiều hình thức khác nhau .

Cùng với mẹ Lục Giáp, ng- ời Choang còn có truyền thuyết về Poloto, một ng- ời đàn ông có trí tuệ đã giúp con ng- ời sinh sống và phát triển trên mặt đất. Ông đã nghĩ cách tạo ra mặt trời, mặt trăng, tìm lửa, tìm giống ngũ cốc, tạo trâu bò súc vật,

sắp xếp trật tự cho muôn loài... Ông cũng đ- ợc coi là cha thủy tổ của ng- ời Choang. Có nơi truyền thuyết đồng hoá mẹ Lục Giáp là vợ của Poloto, hai ng- ời đ- ợc tôn thành cha mẹ thủy tổ của ng- ời Choang, đ- ợc nhiều địa ph- ơng thờ cúng. Ng- ời Choang ở khu vực sông Hồng Hà có tục tế thủy tổ là một lễ hội lớn trong vùng. Trong nghi lễ này, ng- ời ta làm cờ ph- ớc, vẽ cầu vồng biểu t- ượng cho sinh thực khí của Poloto. Truyền thuyết vùng này nói rằng, Poloto đã dùng sinh thực khí làm cầu nối hai bờ sông Hồng Hà để nam nữ hai bên đi lại giao duyên phát triển giống nòi. Vì vậy, hàng năm trong lễ tế tổ còn có tục hát, ca ngợi công đức cha mẹ, tục nam nữ hát giao duyên.

Ở ng- ời Choang, tục thờ cúng cha mẹ thủy tổ rõ rệt hơn ở ng- ời Tày, Nùng. Từ tục thờ cúng này đã nảy sinh tín ng- ỡng thờ sinh thực khí- tức thờ bố mẹ sinh sản. Căn cứ vào nội dung truyền thuyết có thể thấy tín ng- ỡng thờ thủy tổ cha –Poloto có thể ra đời sau tín ng- ỡng thờ thủy tổ mẹ- Lục Giáp. Ng- ời Tày, Nùng không có truyền thuyết và các tục thờ cúng liên quan đến bố Poloto và mẹ Lục Giáp. Tuy nhiên truyền thuyết của ng- ời Tày cũng có hai nhân vật là Pú Luông (ông Lớn) và Slaol Cải (bà To), hai nhân vật thủy tổ đã sáng tạo ra con ng- ời và nghề nông. Hai nhân vật này chỉ tồn tại trong truyền thuyết chứ không đ- ợc tôn sùng, thờ cúng nh- mẹ Lục Giáp và Poloto của ng- ời Choang.

Ngày nay có thể tìm thấy dấu vết của tục thờ cúng thủy tổ ở ng- ời Tày, Nùng qua việc thờ cúng mẹ Hoa- tức mẹ Lục Giáp của ng- ời Choang. Ngoài ra, ở các khu vực c- trú của ng- ời Tày, Nùng vẫn tồn tại các lễ hội có gắn với tín ng- ỡng phần thực và các hội chợ hát giao duyên

nam nữ ít nhiều có liên quan đến các lễ hội thờ cúng cha mẹ thủy tổ của người Choang.

## 2.2. Thờ tổ tiên gia tộc

Thờ tổ tiên gia tộc là nội dung cơ bản trong tín ngưỡng thờ tổ tiên của cả 3 dân tộc Tày, Nùng, Choang. Có thể căn cứ vào các tiêu chí dưới đây để xem xét sự tương đồng và dị biệt trong tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên của họ:

**Quan niệm về tổ tiên:** ở mỗi dân tộc, mỗi địa phương quan niệm về tổ tiên có khác nhau nhưng nhìn chung cả ba dân tộc đều có quan niệm cho rằng con người ta sống thế nào thì chết đi cũng vậy. Họ có thể vẫn tiếp tục quan tâm, phù hộ, tạo phúc và giải trừ hoạn nạn cho con cháu. Quan niệm chung đều cho rằng người chết đi hồn chia làm ba, một phần lên trời, một phần ra bãi tha ma ở cùng xương cốt, một phần về với gia đình gọi là *phỉ rờn* (ma nhà). Ma nhà là tổ tiên trực tiếp của gia đình con cháu, phải thờ cúng xuyên cúng bái vào những dịp lễ tết và những ngày quy định. Tổ tiên nói chung phù hộ cho con cháu, tuy vậy nếu có điều gì không hài lòng họ có thể gây hoạn nạn cho con cháu như làm cho gia súc chết, người đau ốm... Lúc đó con cháu phải sắm lễ vật để làm lễ tạ mộ hoặc giải hạn cầu xin tổ tiên tha thứ.

**Bàn thờ tổ tiên:** Bàn thờ là nơi tổ tiên ngự mỗi khi được con cháu mời hưởng lễ vật. Có thờ cúng tổ tiên thì phải có lập bàn thờ. Vì vậy trong bất kỳ gia đình Tày, Nùng, Choang nào cũng có một bàn thờ tổ tiên. Bàn thờ được đặt trang trọng ở gian chính giữa của ngôi nhà. Điểm giống nhau cơ bản trong cách lập bàn thờ của các gia đình Tày, Nùng, Choang là:

- Dù trang trí cầu kỳ hay đơn giản thì trên bàn thờ của họ cũng có đặt ít nhất là một bát hương thờ các vị tổ tiên của gia đình mà cùng với nó có các lễ nghi thờ cúng rất cẩn trọng.

- Cùng có các kiêng kỵ mang tính chất tôn kính tổ tiên như: không đặt các đồ vật ế tạp lên bàn thờ; phụ nữ có thai không được đến gần bàn thờ; không được cúng tổ tiên các loại thịt chó, thịt trâu bò...

- Người mới chết dưới 3 năm phải lập bàn thờ riêng ở góc nhà, sau 3 năm mới được đưa lên thờ chung với các vị tổ tiên nhiều đời của gia đình.

- Cách trang trí bàn thờ tương tự nhau, với hai kiểu trang trí chính là trang trí cầu kỳ, cẩn thận và trang trí đơn giản, sơ sài. Các bàn thờ trang trí cầu kỳ, thờ ông được thuê thợ đóng có chạm trổ hoa văn, ngoài bát hương ra trên bàn thờ còn có hoa, đèn màu, các câu đối mỹ tự bằng chữ Hán... Còn bàn thờ trang trí đơn giản thì chỉ là một cái giá bằng gỗ trên đặt 1 hoặc 3 bát hương.

Điểm khác nhau chủ yếu giữa bàn thờ của người Tày, Nùng, Choang là ngoài thờ bài vị tổ tiên gia tộc là chính, ở mỗi dân tộc hoặc ở mỗi địa phương lại có thờ thêm các vị thần khác nhau. Chẳng hạn, ở một số địa phương người Choang có thờ vị thần dòng họ như Mạc Nhất đại vương mà ở người Tày, Nùng không có.

**Nghi lễ thờ cúng:** Các nghi lễ thờ cúng tổ tiên ở cả ba dân tộc đều tương tự nhau, gồm có hai loại là nghi lễ thờ ông kỳ và nghi lễ bát thờ ông.

Nghi lễ thờ ông kỳ là các nghi lễ mang tính chất truyền thống theo lịch tết quy định hàng năm. Trong các ngày lễ tết, thấp hương bàn thờ mời tổ tiên hưởng lễ là việc làm không thể thiếu của mọi gia đình.

Cả ba dân tộc đều có ba tết lớn nh- ng đồng thời cũng là 3 tết lớn cúng tổ tiên, đó là: tết nguyên đán, tết tảo mộ (3 tháng 3 âm lịch) và **tết slíp slí b- ơn chắt (14 tháng 7 âm lịch)** . Vào những ngày này các gia đình th- ờng mổ lợn, gà, vịt, làm các món ăn ngon để cúng tổ tiên.

Nghi lễ bất th- ờng có nhiều loại, trong đó, đặc biệt có nghi lễ tạ tổ. Khi gia đình gặp hoạn nạn hoặc có ng- ời ốm đau hay có gia súc chết dịch, nếu gia chủ đi xem bói mà thầy bói cho rằng vì tổ tiên quở trách thì họ phải sắm lễ vật mời thầy đến cúng tạ tổ tiên tại nhà hoặc tại mộ. Ngoài ra, tổ tiên đ- ợc coi là vị thần bản mệnh, có vai trò quan trọng đối với sự h- ng thịnh của gia đình. Mỗi khi các gia đình có các việc lớn nh- c- ới xin, ma chay, làm nhà, hoặc con cháu đi làm ăn, học tập ở xa... đều phải sắm lễ vật hoặc thắp h- ơng trình báo, xin phép tổ tiên, cầu xin tổ tiên phù hộ.

### 2.3. Thờ tổ tiên dòng họ

Ngoài thờ cúng tổ tiên trong gia đình, một số dòng họ Tày, Nùng, Choang còn có tục thờ dòng họ. Nơi thờ dòng họ của các gia đình Tày, Nùng đ- ợc chọn t- ơng đối đa dạng, có thể là một gốc cây, một góc rừng, một hòn đá, hay một nhà thờ họ. So với ng- ời Tày, Nùng thì việc thờ cúng dòng họ của ng- ời Choang lớn hơn về quy mô cũng nh- hình thức tổ chức. Mỗi dòng họ th- ờng có nhà thờ họ riêng, hàng năm vào những ngày quy định hoặc vào dịp tảo mộ (3 tháng 3 âm lịch) con cháu trong dòng họ tụ tập để tế tổ. Lễ tế tổ của họ L- ơng ở ngoại thành Nam Ninh, Quảng Tây hàng năm tổ chức vào vào ngày 18 tháng 3 âm lịch tại miếu Bạch Sơn, thu hút tới hàng ngàn con cháu họ L- ơng về dự. T- ơng truyền tổ tiên họ L- ơng từ Hồ

Nam đến Nam Ninh từ đời Tống thế kỷ XI. Nhìn chung so với việc thờ cúng tổ tiên gia tộc, việc thờ cúng dòng họ ở cả ng- ời Tày, Nùng và Choang đều không phổ biến, bởi không phải ở bất cứ dòng họ nào, bất cứ địa ph- ơng nào cũng có tục thờ cúng dòng họ.

### 2.4. Thờ tổ s-

Những ng- ời làm nghề thầy cúng của các dân tộc Tày, Nùng, Choang ngoài thờ cúng tổ tiên gia tộc nh- các gia đình khác, còn thờ các vị tổ s- là những ng- ời truyền nghề thầy cúng cho tổ tiên gia đình. Việc thờ cúng các vị tổ s- trong gia đình thầy cúng chính là sự phản ánh tín ng- ỡng thờ cúng tổ tiên vốn là tín ng- ỡng bản địa của cả ba dân tộc. Bên cạnh việc kế thừa tín ng- ỡng thờ cúng tổ tiên gia tộc của ng- ời Tày, Nùng, Choang nói chung, thờ cúng tổ s- trong các gia đình thầy cúng còn đồng nghĩa với thờ cúng tổ nghề theo một hệ thống nhất định theo các cấp độ sau:

- Thờ tổ tiên của gia đình nói chung (bao gồm cả những ng- ời làm nghề thầy cúng của gia đình từ nhiều đời tr- ớc).

- Thờ tổ tiên sinh ra nghề thầy cúng của gia đình: các thầy cha, thầy mẹ đã truyền nghề cho ng- ời làm thầy cúng đầu tiên của gia đình.

- Thờ thầy cha, thầy mẹ của bản thân ng- ời đang làm thầy cúng (gồm cả những ng- ời đã chết và những ng- ời đang sống).

- Thờ tổ nghề thầy cúng gồm các thiên t- ơng và binh mã, bao gồm có Cha (Ngọc Hoàng Th- ơng đế) và Mẹ (Phật lớn hay là Phật bà Quan âm)...

Về cơ bản, quan niệm về thờ tổ nghề thầy cúng ở cả ba dân tộc đều nh- nhau, điều khác nhau chủ yếu là mỗi dân tộc,

mỗi địa phương có các loại thầy cúng khác nhau nên ít nhiều có sự sai biệt trong cách thức thờ cúng, nghi thức thờ cúng cũng nh- đối tượng thờ cúng.

Ngoài ra, ở một số nơi cũng có các nghi thức thờ cúng tổ nghề nghiệp nh- thờ tổ nghề rèn, nghề mộc... nh- ng hình thức này không phổ biến.

### **2.5. Thờ thổ địa-tổ tiên làng bản**

Ở mỗi làng bản của ng- ời Tày, Nùng, Choang đều có một miếu thờ thổ địa chung cho cả bản. Đây là thần bảo hộ cho toàn bản. Miếu thổ địa chủ yếu thờ ng- ời có công khai làng lập bản hoặc thờ ng- ời có công với dân bản đ- ợc dân bản coi là tổ tiên của bản. Ngoài ra, ở nhiều địa phương thuộc cả khu vực Tày, Nùng và Choang đều có quan niệm tổ tiên gia đình sau ba đời trở lên có thể hoá thành thần thổ địa trông coi làng bản. Vì vậy, có thể nói thần thổ địa cũng chính là thần tổ tiên xa của các gia đình. Trong quan niệm của ng- ời dân, thần thổ địa đ- ợc hình dung nh- một vị tr- ởng lão đáng kính của bản, các công việc lớn bé trong nhà ngoài bản đều phải hỏi ý kiến của vị thần này. Ở nhiều khu vực ng- ời Tày, Nùng, Choang có tục ngày 30 tết các gia đình làm cỗ mang ra cúng mời thổ địa ăn tết tr- ớc với ý nghĩa tôn kính. Chỉ sau khi mời thổ địa ăn cỗ rồi cả bản mới chính thức đ- ợc ăn tết.

Nghi lễ thờ cúng thần thổ địa ở cả ba dân tộc tương tự nhau, cũng có nghi lễ th- ờng kỳ và nghi lễ bất th- ờng. Th- ờng thì mỗi bản có quy định tế thần thổ địa vào một ngày cố định trong năm, chủ yếu là vào các tháng đầu năm, liên quan đến việc cầu mùa và cúng cầu an giải hạn cho dân bản. Lễ này do dân bản góp tiền làm

lễ. Ngoài ra, khi các gia đình có việc cần thỉnh cầu hoặc cần báo cáo xin phép thổ địa, họ có thể mua sắm lễ vật đến cúng thần.

Điểm khác nhau cơ bản trong việc thờ cúng thổ địa ở các dân tộc Tày, Nùng, Choang là ở các tiểu tiết nh- cách thiết lập miếu thờ, thời điểm tổ chức tế lễ hoặc cách thức tổ chức cúng tế. Đa số các khu vực Tày, Nùng, Choang việc lập miếu thờ thổ địa khá đơn giản, chủ yếu là một ngôi miếu nhỏ đơn sơ trong có đặt bàn thờ và bát hương, có khi chỉ cần đặt một ống hương ở một cái hòm của gốc cây to. Tuy nhiên hiện nay ở một số vùng ng- ời Choang nh- ở vùng ngoại thành Nam Ninh ng- ời ta đã cầu kỳ mua tượng đặt trong miếu thổ địa. Ngoài ra, ở một số khu vực ng- ời Choang còn thờ các vị thần xã hội mang tính chất liên bản – quản thôn to gồm vài ba xóm. Ở huyện Mã Sơn của Quảng Tây trên mỗi đ- ờng phố ng- ời ta còn xây dựng các miếu thờ công đ- ờng phố quy mô tương đối lớn, nội dung thờ cúng tương tự nh- thờ thổ địa bản, làng.

### **2.6. Thờ thần dân tộc**

Một số địa phương dọc biên giới Việt – Trung nh- ở các huyện Tịnh Tây, Thiên Đẳng của tỉnh Quảng Tây, khu tự trị Choang Vân Sơn của tỉnh Vân Nam và một số huyện thuộc các tỉnh Cao Bằng, Lạng Sơn của Việt Nam có khá nhiều nơi lập miếu thờ Nùng Trí Cao, ng- ời đ- ợc tôn là anh hùng dân tộc của nhóm các dân tộc Tày, Nùng, Choang ở khu vực này. Khoảng giữa thế kỷ XI, Nùng Trí Cao là thủ lĩnh của khu vực này. Năm 1053 ông bị nhà Tống đánh bại, tàn quân chạy dạt về huyện Nguyên Giang giáp với Xixoongbana của Vân Nam. Nùng Trí Cao

đ-ợc dân chúng của ba dân tộc Tày, Nùng và Choang thuộc khu vực nói trên thờ cúng và tôn là Thiên tử. Việc thờ cúng ông ở hai bên t-ợng tự nh- nhau: ngoài thờ ở miếu, ng- ời ta còn thờ cúng trong nhà, có gia đình thờ ở bàn thờ, có gia đình thờ ở ngoài sà. Tuy nhiên, thời gian tổ chức cúng tế ở mỗi địa ph- ợng không giống nhau, có nơi cúng vào tháng 5, có nơi tháng 6 hoặc tháng 7.

Đền thờ Nùng Trí Cao có ở cả Việt Nam và Trung Quốc, tuy số l- ợng đền không nhiều nh- ng t- ợng đối bề thế và có ảnh h- ợng nhất định trong phạm vi khu vực rộng lớn. Vào các dịp lễ tết hoặc các ngày mông 1 và 15 âm lịch hàng tháng, khá đông dân chúng từ các nơi mang lễ vật về cúng tế ở đền.

Việc thờ Nùng Trí Cao với t- cách là vị thần dân tộc của ng- ời Tày, Nùng, Choang chỉ phổ biến trong một khu vực c- trú nhất định của họ, còn ở vùng bắc Choang và các khu vực Tày, Nùng khác ngoài Cao Bằng, Lạng Sơn hầu nh- không có thờ Nùng Trí Cao. Thông qua hiện t- ợng thờ Nùng Trí Cao có thể thấy rằng vào tr- ớc thế kỷ XI khu vực biên giới Việt Trung ch- a phân định, các dân tộc khu vực này là một và có chung một thủ lĩnh. Điều đó cũng chứng tỏ có sự liên hệ khá mật thiết về phong tục tập quán và tín ng- ỡng giữa các c- dân trong khu vực c- trú này.

### 3. Thờ thần tự nhiên

Sản xuất nông nghiệp là loại hình kinh tế truyền thống, lâu đời của ng- ời Tày, Nùng, Choang. Để cầu mong đ- ợc mùa, có cuộc sống no đủ, bình an ng- ời ta chỉ biết trông chờ vào sự thuận lợi của thiên nhiên. Vì vậy có thể nói sùng bái tự nhiên

là một tín ng- ỡng cổ sơ của ng- ời Tày, Nùng, Choang liên quan chủ yếu đến sản xuất nông nghiệp. Căn cứ vào tính chất và ý nghĩa thờ cúng đối với các loại thần, có thể tạm phân chia các vị thần tự nhiên ra thành các loại: thần quản môi tr- ờng thiên nhiên, thần quản việc sản xuất, thần bảo hộ bình an.

#### 3.1. Các thần trong môi tr- ờng tự nhiên

M- a, nắng, gió, ánh sáng... là các yếu tố thiên nhiên vũ trụ có liên quan trực tiếp đến đời sống sinh hoạt và lao động sản xuất của con ng- ời. Trong các hiện t- ợng tự nhiên thì nắng, m- a, sấm chớp là các dấu hiệu dự báo về thời tiết khí hậu mà ng- ời làm nghề nông rất quan tâm. Cũng nh- nhiều dân tộc thiểu số khác, các dân tộc Tày, Nùng, Choang sùng bái các hiện t- ợng tự nhiên và tôn chúng thành các vị thần cai quản và điều phối môi tr- ờng tự nhiên

Mặt trời mang lại ánh sáng và sự sống của muôn loài trên mặt đất. Ng- ời Tày, Nùng, Choang có khá nhiều truyền thuyết xung quanh mặt trời nh- chuyện làm mặt trời, chuyện mặt trời sinh con, chuyện bán mặt trời, chuyện gà đi tìm mặt trời và chuyện mặt trời cùng mặt trăng kết hôn... Thờ thần mặt trời là hiện t- ợng khá phổ biến ở các khu vực c- trú của ng- ời Choang ở tỉnh Vân Nam. Đây là một nghi lễ long trọng mang tính chất cộng đồng đ- ợc tổ chức vào một ngày đẹp trời trong các tháng giêng hoặc tháng hai, gọi là lễ tế mặt trời. Lễ vật tế mặt trời bắt buộc phải có con gà trống đẹp để tế sống. Điều này liên quan đến truyền thuyết cho rằng gà có khả năng gáy gọi mặt trời thức dậy.

N- ớc là yếu tố quan trọng hàng đầu không chỉ đối với sinh hoạt của con ng- ời

mà còn đối với việc trồng trọt. Các nghi lễ liên quan đến việc thờ n-óc của 3 dân tộc khá đa dạng và phong phú. Họ có một loạt các thần trông coi về n-óc, cao nhất trên trời có mẹ trời quản m- a gió và thần sấm, d-ới đất có long thần, thủy thần, thần sông, thần suối, thần ao hồ... Các nghi lễ liên quan đến việc cúng tế các vị thần này cũng rất đa dạng, muôn hình muôn vẻ tùy theo từng địa ph-ong và tùy theo quan niệm của từng nhóm ở mỗi dân tộc. Các nghi lễ liên quan đến việc cầu m- a, cầu n-óc đ-ợc tổ chức định kỳ hàng năm hoặc bất th-ờng. Các nghi lễ bất th-ờng phần lớn đ-ợc tiến hành khi có hạn hán xảy ra.

Từ tâm thức thờ n-óc đã dẫn đến nhiều sinh hoạt nghi lễ khá đặc sắc. Chẳng hạn, ở huyện Đông Lan tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc có tục thờ thần ếch. Thần ếch đ-ợc coi là con gái của thần sấm, là mẫu thần và trở thành hình t-ợng của sự tốt lành. Hàng năm, lễ hội ếch đ-ợc tổ chức rất náo nhiệt, kéo dài trong nửa cuối tháng giêng âm lịch. Hoặc cũng từ tâm thức thờ n-óc dẫn đến những kiêng kỵ khá đặc biệt, ví dụ nh- coi cầu vồng là điềm xấu, nơi cầu vồng chúc xuống sẽ bị mất n-óc vì cầu vồng hút n-óc. Vì vậy, ở bản làng nào bị cầu vồng chúc xuống ng-ời ta phải mổ lợn để tế cầu vồng giải hạn.

Lửa là yếu tố không thể thiếu đ-ợc trong đời sống sinh hoạt hàng ngày của ng-ời dân. Liên quan đến việc sùng kính thần hỏa có khá nhiều nghi thức đặc biệt. Ví dụ ở một số nơi, ng-ời Choang có tục khi nấu ăn phải bỏ thức ăn vào lửa để tế thần. Có thể từ tâm thức thờ thần hỏa đã dẫn đến tục thờ thần bếp, một vị thần t-ợng đối phổ biến trong các gia đình Tày, Nùng, Choang. Hàng năm vào đêm 30 tết họ có tục dán giấy đỏ bài vị lên bếp đồng thời bày lễ vật cúng thần bếp.

Tuy mức độ đậm nhạt khác nhau nh- ng cả ba dân tộc Tày, Nùng, Choang đều có cùng tâm thức chung là thờ các vị thần ánh sáng, n-óc, lửa. Nhìn chung việc thờ mặt trời, n-óc, lửa đều ít nhiều có liên quan đến các truyền thuyết giải thích về sự xuất hiện mặt trời, n-óc và lửa của ng-ời Tày, Nùng, Choang. Nói cách khác, các vị thần trong truyền thuyết đã đ-ợc họ biến thành đối t-ợng thờ cúng. So với ng-ời Choang thì ở ng-ời Tày, Nùng các nghi thức thờ cúng không phong phú sinh động bằng. Ví nh- , nghi lễ tế mặt trời hầu nh- không thấy có ở vùng ng-ời Tày, Nùng. Các nghi lễ liên quan đến cầu m- a, cầu n-óc của ng-ời Choang phong phú và đa dạng hơn.

Ngoài ra, vị thần của các yếu tố thiên nhiên hoặc trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến đời sống và các hoạt động sản xuất của con ng-ời nh- núi non, cây cối, đá, cỏ, chim muông... cũng đ-ợc cầu cúng. Mỗi khi lên rừng chặt cây hoặc đi săn, ng-ời ta th-ờng cầu cúng sơn thần. Thần cỏ đ-ợc cúng để cầu cho cỏ mọc nhanh, nhiều và tốt. Cây và đá đ-ợc coi là nơi hoá thân và trú ngụ của thần linh. Ở khá nhiều nơi, cây to hoặc đá to đ-ợc chọn làm nơi thờ thần núi. Thần cây có nhiều loại nh- thần cây bảo mệnh (bảo thọ cho con ng-ời, bảo hộ cho làng bản), thần cây tổ tiên (cây đại diện cho một dòng họ), thần cây thổ địa (nơi trú ngụ của thần thổ địa)... Liên quan đến việc thờ cúng cây có khá nhiều tục lệ đặc biệt, chẳng hạn tục khi trẻ em ốm yếu nhận cây làm cha nuôi, tục trồng cây để cầu sức khoẻ cho ng-ời già và trẻ nhỏ... T-ợng tự, thần đá cũng có nhiều loại nh- thần đá thổ địa bản (th-ờng là một hòn đá nằm bên cạnh một cây to), thần đá ruộng, thần đá bảo hộ cây quả, thần đá trên đèo (lập Bồ tát làm thần đá) giúp ng-ời đi lại bình an...

Nói tóm lại, việc sùng bái và thờ cúng các vị thần trong môi trường tự nhiên của người Tày, Nùng, Choang về sâu xa là phản ánh ý thức của người dân về vai trò quan trọng của môi trường tự nhiên đối với đời sống con người. Chính nhờ có tín ngưỡng này đã gián tiếp giúp người dân có ý thức bảo vệ môi trường sống của mình.

### **3.2. Các thần liên quan đến sản xuất nông nghiệp**

Thờ cúng các vị thần liên quan đến lao động sản xuất là một hiện tượng tín ngưỡng phổ biến trong đời sống của các dân tộc Tày, Nùng, Choang. Trong số các vị thần liên quan đến hoạt động sản xuất thì các vị thần nông nghiệp chiếm số đông, được thờ cúng dưới các hình thức và nghi lễ khác nhau, tựu trung lại có các vị thần chủ yếu sau: thần trăng, thần ngũ cốc, thần ruộng, thần lúa, thần trâu, thần cỏ, thần mưa thóc, thần nông cụ... Đây là các vị thần được thờ phụng trong tâm thức, không lập đền miếu, không có bàn thờ cố định mà chỉ tổ chức nghi lễ cúng tế vào những dịp quy định trong năm hoặc khi có việc cần thỉnh cầu.

Do ảnh hưởng của tư duy nông nghiệp lúa nước nên trong tâm thức của cả ba dân tộc đều cho rằng mặt trời là cha chủ về thái dương, mặt trăng là mẹ chủ về thái âm, nên đã gắn mặt trăng với vai trò của người mẹ lớn cai quản trần gian về nhiều việc, nhất là sản xuất nông nghiệp. Thờ thần trăng thông qua tổ chức nghi lễ nhập hồn mời Nàng Trăng là một hình thức nghi lễ khá phổ biến ở dọc khu vực biên giới Việt-Trung gồm các tỉnh Cao Bằng, Lạng Sơn, Hà Giang, Bắc Kạn của Việt Nam và các huyện tiếp giáp hoặc gần Việt Nam của Quảng Tây như Tĩnh Tây, Đức Bảo, Đại Tân, Thiên Đẳng... Cách thức tổ

chức ở cả hai bên đều như nhau, đều có chung tên gọi là *Mời Nàng Hai* (tức Mời Nàng Trăng) như ở bên Việt Nam, hình thức tổ chức đa dạng, nội dung phong phú hơn và trở thành lễ hội cầu mùa lớn của một vùng.

Quan niệm vạn vật hữu linh thể hiện khá rõ trong tín ngưỡng thờ các vị thần liên quan đến sản xuất nông nghiệp của ba dân tộc. Khá nhiều sự vật liên quan đến hoạt động sản xuất được họ tôn thành thần và gắn với các hoạt động thờ cúng. Ruộng có thần ruộng, lúa có thần lúa, ngũ cốc có thần ngũ cốc, cỏ có thần cỏ... Thậm chí đến các đồ dùng sản xuất như cày, bừa, cuốc... cũng có thần cai quản gọi là thần nông cụ. Một số thần như thần cỏ, thần nông cụ ở người Tày, Nùng không phổ biến bằng ở người Choang.

Trâu là con vật gắn bó với nghề nông, có công giúp người cày bừa, được người dân đặc biệt quý trọng. Vào các dịp lễ tết lớn người ta thường cho trâu ăn tết bằng những thức ăn ngon. Lễ cúng thần trâu của người Choang được tổ chức vào ngày 8 tháng 4 âm lịch hàng năm vì theo truyền thuyết đó là ngày trâu được phái xuống trần gian nên được coi là ngày sinh nhật của trâu. Lễ cúng thần trâu của người Tày, Nùng được gọi là lễ "gọi vía trâu" thường được tổ chức vào ngày 6 tháng 6 âm lịch. Về cơ bản ý nghĩa của việc thờ cúng các vị thần liên quan đến sản xuất ở cả ba dân tộc đều tương tự như nhau. Điều khác nhau chủ yếu là mỗi nơi có cách tổ chức nghi lễ tùy theo phong tục của địa phương mình. Điều đó do nhiều nguyên nhân, có thể do mùa vụ sản xuất ở các địa phương không giống nhau dẫn đến có sự tương đồng và dị biệt vốn là đặc điểm chung của văn hóa dân gian.

Trên đây là những điểm t- ơng đồng và dị biệt cơ bản trong các hình thức tín ng- ỡng dân gian truyền thống chủ yếu của ba dân tộc Tày, Nùng, Choang. Ngoài ra, có thể tìm thấy nhiều điểm t- ơng đồng khác thông qua đội ngũ các thầy hành nghề cúng bái, qua quan niệm về thế giới

thần linh và đặc biệt là thông qua các nghi lễ thờ cúng... Để tiện cho việc theo dõi, d- ới đây tôi xin đ- ọc giới thiệu một cách tóm tắt biểu so sánh các hiện t- ơng tôn giáo tín ng- ỡng của ng- ời Tày, Nùng Việt Nam với ng- ời Choang Trung Quốc đã đ- ọc trình bày:

| Các hiện t- ơng tôn giáo, tín ng- ỡng           | Điểm giống   | Điểm khác  |
|---|--|--|
| 1. Quan niệm về linh hồn và thế giới thần linh  | -Có quan niệm vạn vật hữu linh.<br>-Có khái niệm <i>phi</i> chỉ thần linh quý quái nói chung.<br>-Có quan niệm về ba thế giới: m- ờng trời, m- ờng đất và m- ờng âm phủ. | -Khác nhau về cách lý giải cụ thể về linh hồn.<br>-Số l- ợng và các loại <i>phi</i> ở mỗi dân tộc không giống nhau.  |
| 2. Thờ trời đất                                 | -Đều có tục thờ trời đất.  | - Ng- ời Choang nhiều nghi lễ hơn.   |
| 3. Thờ cúng tổ tiên                             | -Có hệ thống thờ cúng t- ơng tự gồm: thờ tổ tiên gia tộc, dòng họ, tổ s- , tổ tiên làng bản, thần dân tộc.   | - Ng- ời Choang có thờ thủy tổ nhân loại.<br>- Thờ thần dân tộc không phải là hiện t- ơng phổ biến ở cả 3 dân tộc.   |
| 4. Thờ các thần trong môi tr- ờng tự nhiên      | Đều sùng bái và tôn thờ các yếu tố thiên nhiên vũ trụ: m- a, nắng, gió, ánh sáng, lửa...   | - Các nghi lễ thờ cúng ở ng- ời Choang phong phú và sinh động hơn ng- ời Tày, Nùng.  |
| 5. Thờ các thần liên quan đến lao động sản xuất | - Cùng có chung các vị thần liên quan đến sản xuất nhất là sản xuất nông nghiệp.   | - Không giống nhau về các hình thức nghi lễ, thời gian tổ chức nghi lễ.  |
| 6. Những ng- ời hành nghề cúng bái              | - Cùng có chung lớp ng- ời hành nghề cúng bái t- ơng tự về tên gọi cũng nh- cách thức hành nghề.   | - Ở vùng Bắc Choang có các s- công hành nghề theo đạo Phật (ở vùng Nam Choang và ng- ời Tày, Nùng không có).<br>-Cách thức và dụng cụ hành nghề của các thầy Shaman ở Bắc Choang khác hơn so với Nam Choang và ng- ời Tày, Nùng. |
| 7. Lễ hội dân tộc                               | - Cùng có các lễ hội mang nội dung và mục đích nh- nhau.   | -Các lễ hội cụ thể ở từng địa ph- ơng không giống nhau (về tên gọi, cách thức tổ chức, thời gian, thời điểm tổ chức...).   |

|   |   |   |
|---|---|---|
| 8. Các nghi lễ theo chu kỳ lịch tiết (lễ tết) | - Các lễ tết trong năm đều có cùng nội dung, tên gọi và thời điểm tổ chức, cách thức tổ chức. | -Các lễ tết cụ thể ở từng địa phương không hoàn toàn nh-nhau.<br><br>-Ng-ời Choang chịu ảnh h-ởng của lễ tết ng-ời Hán nhiều hơn. |
| 9. Nghi lễ trong sinh đẻ                      | Đều thờ mẹ Hoa là vị thần sinh sản chung của cả ba dân tộc.                                   | Khác nhau ở các nghi lễ thờ cúng cụ thể.  |

Để góp phần tìm hiểu sự t- ơng đồng và dị biệt về tôn giáo tín ng- ỡng của ba dân tộc này, b- ớc đầu tôi xin đ- a ra một số lý giải nh- sau:

**Nguyên nhân của sự t- ơng đồng**

Tr- ớc hết, nguyên nhân đầu tiên và nguyên nhân cơ bản nhất là cả ba dân tộc đều có cùng nguồn gốc lịch sử. Vì có quan hệ gần gũi về nguồn gốc, t- ơng thông ngôn ngữ, nên đó là nền tảng cơ bản tạo nên sự t- ơng đồng về văn hoá và phong tục tập quán của các tộc ng- ời này. Nói cách khác cả ba dân tộc đều có chung một cội nguồn văn hoá đó là văn hoá Bách Việt.

Ngoài ra, sự t- ơng đồng còn đến từ nhiều phía, sơ bộ có thể chỉ ra nh- sau:

1) Cả ba dân tộc đều tiếp thu và chịu ảnh h- ởng của văn hoá Hán với mức độ đậm nhạt khác nhau. Sự t- ơng đồng trong tín ng- ỡng thờ cúng tổ tiên của cả ba dân tộc là sự phản ánh khá rõ ảnh h- ởng của văn hoá Hán. Cũng do ảnh h- ởng của văn hoá Hán nên cả 3 dân tộc đều tiếp thu Nho giáo, Đạo giáo và Phật giáo, tạo nên một hệ thống thờ cúng mà đại diện là các vị thầy cúng với các tên gọi là Tào-Then - Pụt -Mo, Mọt, Hoa Tăng... Đây là những nhân vật có vai trò quan trọng trong việc thực hành các nghi lễ thờ cúng cho các thành viên trong cộng đồng. Thông qua cách thức hành nghề và diện thờ của các

vị thầy cúng này có thể nhận ra đ- ợc mức độ chi phối của các tôn giáo du nhập vào trong tín ng- ỡng bản địa của ng- ời Tày, Nùng, Choang.

2) Cả ba dân tộc cùng có một khu vực c- trú, điều kiện tự nhiên t- ơng tự, cùng ảnh h- ởng t- duy sản xuất nông nghiệp lúa n- óc - đó là sơ sở tạo nên sự t- ơng đồng về các mối quan hệ xã hội của họ. Điều đó đặc biệt thể hiện rõ ở các khu vực giáp ranh biên giới Việt- Trung thông qua sự giao l- u ảnh h- ởng qua lại về văn hoá, tôn giáo tín ng- ỡng giữa các dân tộc ở đây. Chẳng hạn, hiện t- ợng thầy cúng ở hai bên có thể qua lại học nghề và hành nghề khá phổ biến ở khu vực này. Thông qua họ nhiều hiện t- ợng văn hoá tín ng- ỡng của một dân tộc đã trở thành chung của ba dân tộc; giữa Then của ng- ời Tày và Pụt của ng- ời Nùng (Choang) đã có sự giao hoán mà trở thành hiện t- ợng chung của cả ba dân tộc.

3) Cùng chịu sự tác động của các yếu tố lịch sử văn hoá dẫn đến có sự t- ơng đồng về văn hoá tín ng- ỡng cũng là một hiện t- ợng phổ biến ở một số địa ph- ơng có ng- ời Tày, Nùng, Choang c- trú. Tiêu biểu có hiện t- ợng tôn thờ Nùng Trí Cao làm anh hùng dân tộc ở khu vực biên giới Việt Trung giáp Cao Bằng, Lạng Sơn và ở các địa danh dọc con đ- ờng rút chạy của ông ta từ Quảng Tây đến khu tự trị dân tộc Choang Vân Sơn của tỉnh Vân Nam.

4) Sự di c- của các nhóm dân tộc cũng là một nguyên nhân dẫn đến có sự t- ơng đồng về văn hoá tín ng- ỡng giữa các dân tộc. Trong lịch sử do nhiều nguyên nhân mà dẫn đến có rất nhiều cuộc di c- của ng- ời Choang từ Quảng Tây sang Việt Nam để hình thành nên nhóm dân tộc Nùng của Việt Nam. Phần lớn khi đến Việt Nam họ vẫn bảo l- u những phong tục tập quán tín ng- ỡng cũ của dân tộc mình. Vì vậy dẫn đến có hiện t- ợng thú vị là có những nhóm dân tộc đã vào sâu nội địa Việt Nam hàng ngàn kilomet nh- ng về cơ bản phong tục tập quán, tín ng- ỡng của họ vẫn đ- ợc bảo l- u nh- khi còn ở Trung Quốc.

### Nguyên nhân dị biệt

1) Tr- ớc hết, cần phải thừa nhận rằng dù có cùng nguồn gốc và có nhiều điểm t- ơng đồng về văn hoá nh- ng các dân tộc Tày, Nùng và Choang đã có một thời gian dài phân tách - một ngàn năm đối với ng- ời Tày và ít nhất cũng khoảng 200 năm đối với ng- ời Nùng. Vì vậy điều không thể tránh khỏi là mỗi nhóm dân tộc sẽ phải tiếp thu và chịu ảnh h- ưởng các yếu tố chính trị, văn hoá của hai quốc gia khác nhau mà tạo nên những điểm dị biệt về văn hoá trong đó có tôn giáo tín ng- ỡng. So với ng- ời Nùng thì ng- ời Tày chịu ảnh h- ưởng của văn hoá ng- ời Kinh nhiều hơn. T- ơng tự, ng- ời Choang chịu ảnh h- ưởng trực tiếp về ngôn ngữ, chính trị và văn hoá của ng- ời Hán nên mức độ ảnh h- ưởng văn hoá Hán của ng- ời Choang mạnh hơn so với ng- ời Tày, Nùng.

2) Vị trí địa lý hay là tính khu vực cũng là một nguyên nhân dẫn đến có sự khác nhau về phong tục tập quán và tôn giáo tín ng- ỡng của ba dân tộc. Có thể thấy càng cách xa khu vực biên giới Việt-Trung thì mức độ t- ơng đồng về tôn giáo tín

ng- ỡng của ba dân tộc càng nhạt dần. Vùng Nam Choang có nhiều điểm t- ơng đồng về tôn giáo tín ng- ỡng với ng- ời Tày, Nùng hơn là vùng bắc Choang. Nhiều hiện t- ợng tôn giáo tín ng- ỡng phổ biến ở vùng Tây, Nùng, Choang thuộc khu vực biên giới nh- ng ở bắc Choang lại không có và ng- ợc lại.

3) Một đặc điểm chung của văn hoá dân gian (folklore) là tính t- ơng đồng và dị biệt. Do quy luật truyền lan của văn hoá dân gian nên cùng là một hiện t- ợng văn hoá nh- ng ở mỗi địa ph- ơng lại thể hiện không hoàn toàn giống nhau. Tôn giáo tín ng- ỡng của ba dân tộc Tày, Nùng, Choang cũng không nằm ngoài quy luật này.

4) Điều cuối cùng, không thể không xem xét đến sự khác nhau về đặc điểm hình thành và c- trú dân tộc của ba dân tộc. So với ng- ời Tày, Nùng thì ng- ời Choang có dân số cũng nh- diện tích c- trú lớn hơn rất nhiều. Với t- cách là vùng đất cổ của ng- ời Choang nên ở Quảng Tây l- u truyền khá nhiều truyền thuyết liên quan đến các vị thần khởi nguyên của dân tộc, sự hình thành vũ trụ và sự xuất hiện của vạn vật trên mặt đất... Và nh- vậy văn hoá ng- ời Choang nói chung và tôn giáo tín ng- ỡng của họ nói riêng mang đậm dấu ấn bản địa hơn thể hiện qua sự phong phú đa dạng về các đối t- ợng thờ cúng cũng nh- nghi lễ thờ cúng trong dân gian. T- ơng tự, các hình thức tôn giáo sơ khai nh- tô tem giáo, sinh thực khí, ma thuật tình yêu... còn khá đậm nét trong xã hội ng- ời Choang.

### Nhận xét

Hiện nay trong khu vực Đông Nam Á có tới 20 dân tộc nói ngôn ngữ Tai (Tày-Thái), với khoảng 90 triệu ng- ời có mặt ở hầu hết các n- ớc nh- Trung Quốc, Việt Nam, Lào, Thái, Miến Điện, Ấn Độ. Đây là

cộng đồng ngôn ngữ lớn nhất châu Á mà theo các nhà nghiên cứu thì họ đều là các dân tộc có cùng một nguồn gốc. Từ việc nghiên cứu so sánh tôn giáo tín ngưỡng của các dân tộc Tày, Nùng, Choang nhìn ra các dân tộc nói tiếng Tai khác có thể thấy rằng giữa các dân tộc này đều ít nhiều có mối tương đồng về tôn giáo tín ngưỡng. Chẳng hạn các khái niệm cơ bản liên quan đến tôn giáo tín ngưỡng như “phi”, “then”, “mờng phạ”... đều xuất hiện ở hầu hết các dân tộc nói tiếng Tai. Một số hiện tượng tôn giáo tín ngưỡng là chung của nhiều dân tộc như sùng bái tổ tiên, sùng bái các thần tự nhiên, quan niệm về cuộc sống của con người sau cái chết... Vì vậy, tôi cho rằng việc mở rộng nghiên cứu so sánh giữa các dân tộc thuộc nhóm ngôn ngữ Tày- Thái sẽ là một việc làm hết sức cần thiết đối với người nghiên cứu về Tày, Nùng, Choang mà bài viết này mới chỉ là những phác thảo ban đầu.

## Tài liệu tham khảo chính

### Tài liệu tiếng Việt

1. Hà Văn Th-, Lã Văn Lô. *Văn hóa Tày Nùng*. Nxb. Văn hoá, 1984.
2. Đặng Nghiêm Vạn. *Sơ lược về sự thiên di của các bộ tộc Thái vào Tây Bắc Việt Nam*. Nghiên cứu Lịch sử, số 78, tháng 9/1965.
3. Nguyễn Thị Yên. *Tìm hiểu yếu tố tín ngưỡng trong lễ hội của người Tày, Nùng*. Tạp chí Văn hoá dân gian, số 1/1998, tr.3-10.
4. Nguyễn Thị Yên. *Văn hoá truyền thống các dân tộc Tày, Nùng, Dao ở huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn*. Sở Khoa học Công nghệ và Môi trường tỉnh Bắc Kạn, 1999 (Bản đánh máy).
5. Nguyễn Thị Yên. *Then cấp sắc của người Tày qua khảo sát ở huyện Quảng Hoà, tỉnh Cao Bằng*. Viện Văn hoá dân gian. 2000 (Đề tài cấp viện, bản đánh máy).
6. Nguyễn Thị Yên. *Saman giáo trong Then của người Tày*, Hội thảo Quốc tế *Tín ngưỡng thờ Mẫu và lễ hội Phủ Giày*. Hà Nội 31/3-1/4/2001.

7. Nguyễn Thị Yên. *Thờ Mẫu trong tín ngưỡng của người Tày, Nùng*. Tạp chí Văn hoá dân gian, số 5/ 2001, tr.28 -tr.36.

8. Nguyễn Thị Yên. *Lễ hội nàng Hai của người Tày Cao Bằng*. Nxb Văn hoá Thông tin Việt Nam, 2003.

9. Nguyễn Thị Yên, Hoàng Thị Nhuận. *Văn hoá truyền thống của người Nùng An ở bản Phya Chang, xã Phúc Sen, huyện Quảng Hoà, tỉnh Cao Bằng*. Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam, 2000 (Bản đánh máy).

10. Nhiều tác giả. *Các dân tộc Tày Nùng ở Việt Nam*. Viện Dân tộc học, 1992.

11. Nhiều tác giả. *Văn hoá truyền thống Tày Nùng*. Nxb. Văn hoá dân tộc, 1993.

## 2. Tài liệu tiếng Trung Quốc

1. Đặng Thành Đạt. *So sánh tục thờ cúng tổ tiên của người Choang Trung Quốc với người Tày Việt Nam*, Luận văn cao học, Học viện Dân tộc Quảng Tây, 2002.

2. Hà Chính Đình (Chủ biên). *Người Choang ở Vân Nam*. Nhà xuất bản Dân tộc, tháng 3/1999.

3. Lê Đình Vọng (Chủ biên). *Choang tộc phong tục chí*. Nxb. Học viện Dân tộc Trung Quốc, 1987.

4. Liễu Minh Quân. *Văn hoá sùng bái sinh thực khí của người Choang*. Nxb. Nhân dân Quảng Tây, 1/1/1994.

5. Phạm Hồng Quý. *Các dân tộc cùng nguồn gốc*. Nxb. Quang Minh nhật báo Trung Quốc, 1/12/2000.

6. Phạm Hồng Quý (Chủ biên). *Phân Dân tộc Choang, Tập hợp tài liệu tôn giáo nguyên thủy các dân tộc Trung Quốc*. Nxb. Khoa học xã hội Trung Quốc, 1/6/1998.

7. Phạm Hồng Quý, Cố Hữu Thúc. *Lịch sử văn hoá người Choang*. Nxb. Dân tộc Quảng Tây, 1/3/1997.

8. Tổ biên tập khu tự trị dân tộc Choang Quảng Tây. *Tài liệu điều tra lịch sử xã hội người Choang Quảng Tây*, từ quyển 1 đến quyển 8, Nhà xuất bản Nhân dân Quảng Tây, xuất bản từ năm 1984 đến 1987.